TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13 - GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2026/HS-ST
Ngày: 23 - 3 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 - GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đồng Ánh Đông.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Thảo.

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Võ Thị Hường - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 13 - Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 - Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Mạc Thị Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13 - Gia Lai (cơ sở 2) mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 11/2026/TLST-HS ngày 10/02/2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2026/QĐXXST-HS ngày 05/3/2026 đối với các bị cáo:

1. Huỳnh Văn P, sinh ngày 10/12/1992 tại A, Gia Lai; CCCD số: 064092008673, cấp ngày 05/12/2022; nơi cư trú: 1 N, Tổ A A, phường A, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn P1 (đã chết) và bà Trần Thị Q; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; về nhân thân:

- Ngày 16/3/2010, bị Tòa án nhân dân thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai xử phạt 18 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo Bản án số 15/2010/HSST ngày 16/3/2010, đến ngày 24/01/2011 chấp hành xong hình phạt tù.

- Ngày 20/5/2011, bị Công an phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền 750.000 đồng về hành vi đánh nhau theo Quyết định số 1593.

- Ngày 14/7/2015, bị Công an thị xã A, tỉnh Gia Lai xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền 4.300.000 đồng về hành vi sử dụng các loại vũ khí, công cụ hỗ trợ trái quy định nhưng chưa gây hậu quả theo Quyết định số 641.

- Ngày 27/10/2016, bị Tòa án nhân dân thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai xử phạt 10 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích" theo Bản án số 39/2016/HSST ngày 27/10/2016, đến ngày 09/6/2017 chấp hành xong hình phạt tù.

- Ngày 10/10/2019, bị Công an thị xã A, tỉnh Gia Lai xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền 2.500.000 đồng về hành vi xâm hại sức khỏe người khác theo Quyết định số 830.

- Ngày 14/12/2021, bị Công an phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền 1.500.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản theo Quyết định số 697.

- Ngày 27/10/2023, bị Công an thị xã A, tỉnh Gia Lai xử phạt vi phạm hành chính chính bằng hình thức phạt tiền 6.500.000 đồng về hành vi "Cố ý gây thương tích" theo Quyết định số 625/QĐ-XPVPHC.

- Ngày 26/5/2025, có hành vi "Cố ý gây thương tích" tại Tổ dân phố C N, phường A, tỉnh Gia Lai bị Cơ quan CSĐT Công an tỉnh G khởi tố bị can, bắt tạm giam từ ngày 03/10/2025 cho đến nay.

Bị cáo Huỳnh Văn P có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Văn A (tên gọi khác: Nguyễn Thanh A1), sinh ngày 15/10/1987 tại A, Gia Lai; CCCD số: 064087000322, cấp ngày 26/02/2024; nơi cư trú: 1 N, Tổ E A, phường A, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Thợ hồ; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C (tên gọi khác: Nguyễn Hồng S) và bà Phạm Thị X; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; về nhân thân:

- Ngày 16/01/2000, bị Công an thị trấn A, huyện A, tỉnh Gia Lai xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức Cảnh cáo về hành vi "Cố ý gây thương tích" .

- Ngày 16/02/2000, bị Công an thị trấn A, huyện A, tỉnh Gia Lai xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức Cảnh cáo về hành vi "Cố ý gây thương tích".

- Ngày 15/7/2000, bị Công an thị trấn A, huyện A, tỉnh Gia Lai xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức Cảnh cáo về hành vi "Trộm cắp tài sản".

- Ngày 20/8/2000, bị Chủ tịch UBND thị trấn A, huyện A, tỉnh Gia Lai áp dụng biện pháp xử lý hành chính Giáo dục tại xã, phường, thị trấn thời hạn 06 tháng theo Quyết định số 14/QĐ-HC.

- Ngày 11/10/2000, bị Công an thị trấn A, huyện A, tỉnh Gia Lai xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức Cảnh cáo về hành vi "Trộm cắp tài sản".

- Ngày 08/01/2001, bị Chủ tịch UBND tỉnh G áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào Trường G thời hạn 24 tháng theo Quyết định số 20/QĐ-CT, đến ngày 13/01/2003 chấp hành xong.

- Ngày 04/02/2004, bị Công an phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức Cảnh cáo về hành vi "Cố ý gây thương tích, Gây rối trật tự công cộng".

- Ngày 08/3/2004, bị Công an phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức Cảnh cáo về hành vi "Gây rối trật tự công cộng, hủy hoại tài sản".

- Ngày 16/4/2004, bị Công an phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức Cảnh cáo về hành vi "Cố ý gây thương tích, gây rối trật tự công cộng".

- Ngày 27/4/2004, bị Công an phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức Cảnh cáo về hành vi "Cố ý gây thương tích, gây rối trật tự công cộng".

- Ngày 25/5/2004, bị Công an phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức Cảnh cáo về hành vi "Cố ý gây thương tích, gây rối trật tự công cộng". Đã xóa tiền sự.

- Ngày 16/12/2004, bị Chủ tịch UBND thị xã A, tỉnh Gia Lai áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào Trường G thời hạn 24 tháng theo Quyết định số 2778/QĐ-CT.

- Ngày 22/10/2006, trong Trường G đã phạm tội "Cố ý gây thương tích" bị Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xử phạt 12 năm tù theo Bản án số 64/2007/HSST ngày 31/8/2007, đến ngày 02/10/2016 chấp hành xong hình phạt tù.

- Ngày 11/02/2019, bị Công an phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức Cảnh cáo về hành vi "Gây mất an ninh trật tự khu dân cư" theo Quyết định số 429/QĐ-XPVPHC.

- Ngày 13/02/2019, bị Công an phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức Cảnh cáo về hành vi "Đánh nhau" theo Quyết định số 431/QĐ-XPVPHC.

- Ngày 13/6/2019, bị Chủ tịch UBND phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai áp dụng biện pháp xử lý hành chính Giáo dục tại xã, phường, thị trấn theo Quyết định số 105/QĐ-UBND ngày 13/6/2019.

- Ngày 19/9/2019, bị Công an thị xã A, tỉnh Gia Lai xử phạt vi phạm hành chính 3.500.000 đồng về hành vi "Cố ý làm hư hỏng tài sản".

- Ngày 11/8/2021, bị Công an thị xã A, tỉnh Gia Lai xử phạt vi phạm hành chính 2.500.000 đồng về hành vi "Xâm hại sức khỏe của người khác".

Bị cáo Nguyễn Văn A bị bắt tạm giam từ ngày 04/12/2025 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

* *Bị hại :* Ông Lê Văn T, sinh năm 1954; CCCD số: 052054000540, cấp ngày 04/4/2021; địa chỉ: Thôn A, xã Y, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Anh Lê Quốc C1, sinh năm 1996; CCCD số: 064096014262; địa chỉ: Thôn A, xã Y, tỉnh Gia Lai; có mặt.

2. Bà Trần Thị Q, sinh năm 1964; CCCD số: 064164003324, cấp ngày 19/11/2024; địa chỉ: 1 N, Tổ A A, phường A, tỉnh Gia Lai; có mặt.

3. Bà Lê Thị T1, sinh năm 1957; CCCD số: 052157000401, cấp ngày 30/3/2021; địa chỉ: E N, Tổ G T, phường A, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.

4. Anh Lý Quốc P2, sinh năm 1983; CCCD số: 05283000809, cấp ngày 22/9/2023; địa chỉ: A N, Tổ E A, phường A, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 06/8/2025, Huỳnh Văn P điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 34M7-9912 đến nhà trọ M ở Tổ E A, phường A, tỉnh Gia Lai để nhậu cùng với Nguyễn Văn A. Khoảng 15 giờ cùng ngày, P rủ A đi vào rẫy keo khu vực Đập B (thuộc thôn A, xã Y, tỉnh Gia Lai) để bắn chim kiếm mồi nhậu tiếp. Sau đó, P điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 34M7-9912 chở A đi vào khu vực trên. Khi đi ngang qua nhà ông Lê Văn T, P thấy không có ai ở nhà nên P rủ A cạy cửa đột nhập vào nhà trộm cắp tài sản thì A đồng ý. A lấy 01 cái rựa của ông T để trước sân, chém mạnh vào ổ khóa thì ổ khóa bung ra. P và A mở cửa đi vào phòng khách nhà ông T tìm kiếm, trộm cắp các đồ vật sau: 01 máy mài cắm điện màu xanh đen, 01 cái máy khoan cắm điện màu đỏ, 01 cái máy khoan pin màu xanh đen, 01 cái bộ chuyển đổi máy mài thành máy cưa xích màu trắng đen, 01 cái cưa tay cán màu trắng, 01 cái xà beng dài 1,6 mét đường kính 4cm, 01 cái xà beng dài 1,17 mét đường kính 2,6cm, 02 cái rựa dài khoảng 01 mét, 02 cái búa đóng đinh màu cam đen, 02 cái tua vít màu cam đen, 02 cái kiềm cầm tay màu cam đen. P và A lấy các đồ vật trên bỏ vào 01 cái bao tải chở đi bán tại tiệm phế liệu của bà Lê Thị T1, trú tại: E N, Tổ G T, phường A, tỉnh Gia Lai được số tiền 130.000 đồng (cân cả bao, giá sắt phế liệu 5.500 đồng/kg), có được tiền A và P dùng mua mồi và rượu uống hết. Riêng 01 cái xà beng dài 1,17 mét đường kính 2,6cm được P mang về nhà cất giấu để sử dụng.

Khoảng 09 giờ 07/8/2025, do hết tiền mua rượu nên Nguyễn Văn A rủ Huỳnh Văn P tiếp tục vào nhà ông T để trộm cắp tài sản bán phế liệu lấy tiền mua rượu thì P đồng ý. P điều khiển xe mô tô BKS 34M7-9912 chở A đi vào nhà ông T lấy trộm: 01 cái camera ở trước cửa chính, 01 tủ lạnh mini màu trắng, 01 cục phát wifi màu trắng tại phòng khách, 02 cuộn dây điện tại phòng kho phía sau. A nói để cái tủ lạnh mini lại cho A sử dụng, đồ còn lại P chở đi bán trước rồi quay lại đón A. P đem bán 02 cuộn dây điện, camera, cục P3 tại tiệm phế liệu của bà

T1 được 400.000 đồng rồi quay lại chở A đi về nhà trọ để uống rượu. Sau đó, A thấy có người đàn ông mua phế liệu dạo đi qua nên kêu bán cái tủ lạnh mini được 70.000 đồng. Số tiền có được A và P tiếp tục dùng để mua mồi và rượu uống hết.

Khoảng 14 giờ ngày 08/8/2025, do hết tiền tiêu nên P một mình đi vào nhà ông T trộm cắp: 01 máy bơm nước ở chỗ giếng sau nhà, 12 thanh sắt (11 thanh sắt vuông và 01 thanh sắt chữ V) ở trước sân, chở đi bán phế liệu nhưng do hàng cồng kềnh, chỉ đi được khoảng 200m thì rơi 12 cây sắt xuống lề đường. P lái xe về nhà trọ tìm người ngồi sau giúp ôm đống sắt này. Khi đến nơi thì P thấy Lê Quốc C1 đang ngồi nhậu nên P nhờ C1 đi với P. Sau đó, P chở C1 ngồi sau đi vào chỗ đống sắt rơi trên lề đường (C1 không biết do P trộm cắp), P chở C1 ngồi sau ôm giữ 12 cây sắt chở đi ra tiệm phế liệu của anh Lý Quốc P2, trú tại: A N, Tổ E A, phường A, tỉnh Gia Lai để bán được số tiền 160.000 đồng (cân ký với giá sắt phế liệu 5.500 đồng/kg). P đã sử dụng hết số tiền này để mua rượu uống.

Ngày 14/8/2025, ông Lê Văn T có đơn trình báo sự việc.

* Vật chứng thu giữ: 01 xe mô tô mang biển số 34M7-9912, nhãn hiệu AURIGA, số loại 100, màu sơn nâu, số máy FMG002320, số khung TT7XB02320, đã qua sử dụng. 01 cái máy bơm nước, không rõ nhãn hiệu, công suất 750W, màu xanh, mua mới năm 2010, đã qua sử dụng. 01 cái xà beng, dài 1,17 mét, đường kính 2,6cm, mua cũ năm 2024, đã qua sử dụng. 08 thanh sắt vuông 3cm, mỗi thanh dài 70cm, hai đầu được hàn gắn bởi 04 thanh sắt mỗi thanh dài 07cm, trọng lượng 0,8kg, đã qua sử dụng. 02 thanh sắt vuông 3cm, mỗi thanh dài 74cm, hai đầu được hàn gắn bởi 04 thanh sắt mỗi thanh dài 07cm, trọng lượng 01kg, đã qua sử dụng. 01 thanh sắt vuông 3cm, dài 01m, một đầu được hàn gắn bởi 04 thanh sắt mỗi thanh dài 07cm, trọng lượng 01kg, đã qua sử dụng. 01 thanh sắt V, dài 2,33m, rộng 10cm, tình trạng đã bị rỉ sét, trọng lượng 4,6kg, đã qua sử dụng.

* Tại Kết luận định giá tài sản số: 65/KL-HĐĐGTS ngày 22/8/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Gia Lai xác định: Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt tại thời điểm từ ngày 06/8/2025 đến ngày 08/8/2025 là: 4.346.000 đồng.

Trong đó, tài sản do Huỳnh Văn P và Nguyễn Văn A chiếm đoạt vào ngày 06/8/2025 có giá trị là 2.218.000 đồng; tài sản do P và A chiếm đoạt vào ngày 07/8/2025 có giá trị là 1.699.600 đồng; tài sản do một mình P chiếm đoạt vào ngày 08/8/2025 có giá trị là 428.400 đồng.

Xử lý vật chứng: Ngày 07/02/2026, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh G đã ra Quyết định xử lý vật chứng số D193/QĐ trả lại:

- 01 xe mô tô biển kiểm soát 34M7-9912, nhãn hiệu AURIGA, số loại 100, màu sơn nâu, số máy FMG002320, số khung TT7XB02320, cho bà Trần Thị Quỳnh . Sau khi nhận lại tài sản, bà Q không có ý kiến, yêu cầu gì.

- 01 máy bơm nước màu xanh, không rõ nhãn hiệu, kích thước (27x17)cm, tình trạng rỉ sét và đã bị tháo rời thành 03 bộ phận vỏ máy, lõi đồng và tua bin quay máy; 08 thanh sắt vuông 3cm, mỗi thanh dài 70cm, hai đầu được hàn gắn bởi 04 thanh sắt mỗi thanh dài 7cm, trọng lượng 0,8kg; 02 thanh sắt vuông 3cm, mỗi thanh dài 74cm, hai đầu được hàn gắn bởi 04 thanh sắt mỗi thanh dài 7cm, trọng lượng 01kg; 01 thanh sắt vuông 3cm, dài 1m, một đầu được hàn gắn bởi 04 thanh sắt mỗi thanh dài 7cm, trọng lượng 01kg; 01 thanh sắt V dài 2,33m, rộng 10cm, tình trạng đã bị rỉ sét, trọng lượng 4,6kg; 01 cái xà beng thân lục giác, dài 117cm, đường kính 2,6cm cho ông Lê Văn T là chủ sở hữu.

Đối với các vật chứng còn lại mà Huỳnh Văn P và Nguyễn Văn A đã bán cho bà Lê Thị T1, bà T1 đã bán lại cho người khác. Cơ quan CSĐT Công an tỉnh G đã tiến hành truy tìm nhưng không thu giữ được.

Đối với anh Lý Quốc P2 đã thu mua số tài sản trộm cắp do Huỳnh Văn P thực hiện với số tiền 160.000 đồng, quá trình điều tra anh P2 đã giao nộp lại số tài sản trên và không yêu cầu Huỳnh Văn P bồi thường số tiền đã thu mua.

Về dân sự: Sau khi nhận lại một số tài sản, ông Lê Văn T yêu cầu Huỳnh Văn P và Nguyễn Văn A bồi thường số tiền 3.817.600 đồng đối với số tài sản không thu hồi được, nhưng P và A chưa bồi thường.

Tại Bản cáo trạng số: 26/CT-VKS ngày 10/02/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 - Gia Lai đã truy tố các bị cáo Huỳnh Văn P và Nguyễn Văn A về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 - Gia Lai giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị như sau: Tuyên bố các bị cáo Huỳnh Văn P và Nguyễn Văn A phạm tội "Trộm cắp tài sản". Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Huỳnh Văn P từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn A từ 09 tháng đến 01 năm tù. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo. Về dân sự: Buộc bị cáo Huỳnh Văn P phải bồi thường cho ông Lê Văn T số tiền 1.908.800 đồng; buộc bị cáo Nguyễn Văn A phải bồi thường cho ông Lê Văn T số tiền 1.908.800 đồng. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án là hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ vụ án. Do đó, đã có đủ cơ sở xác định: Huỳnh Văn P và Nguyễn Văn A có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhưng với bản tính lười lao động, muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên đã cùng nhau trộm cắp tài sản của ông Lê Văn T tại thôn A, xã Y, tỉnh Gia Lai. Cụ thể: Vào ngày 06/8/2025, P và A đã trộm cắp tài sản có giá trị là 2.218.000 đồng; vào ngày 07/8/2025, P và A đã trộm cắp tài sản có giá trị là 1.699.600 đồng; vào ngày 08/8/2025, một mình P trộm cắp tài sản có giá trị là 428.400 đồng. Do đó, hành vi của Huỳnh Văn P và Nguyễn Văn A đã phạm tội "Trộm cắp tài sản" được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Vì vậy, cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

[5] Về hình phạt: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn ảnh hưởng đến trật tự an toàn tại địa phương. Các bị cáo P và A là những người có nhân thân xấu, đã từng có nhiều tiền án, tiền sự. Vì vậy, cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn tương ứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội để cải tạo, giáo dục, răn đe đối với các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Xét thấy, các bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền.

[6] Về dân sự: Bị hại Lê Văn T yêu cầu các bị cáo phải bồi thường đối với số tài sản mà các bị cáo P và A trộm cắp đã bán không thu hồi được với số tiền là 3.817.600 đồng. Vì vậy, cần buộc các bị cáo P và A, mỗi bị cáo phải bồi thường cho ông T số tiền là 1.908.800 đồng. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là anh Lý Quốc P2 không yêu cầu bị cáo P phải trả lại số tiền đã mua số tài sản trộm cắp nên không giải quyết. Đối với số tiền các bị cáo do phạm tội mà có

đã tiêu xài hết, đồng thời các bị cáo phải bồi thường cho bị hại số tiền đối với tài sản không thu hồi được nên không buộc các bị cáo phải nộp lại.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 135, 136, 260, 268 và 299 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; các Điều 38 và 58 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 587 và 589 của Bộ luật Dân sự.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Huỳnh Văn P và Nguyễn Văn A phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Về hình phạt:

2.1. Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn P 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

2.2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn A 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam (ngày 04/12/2025).

3. Về dân sự: Buộc các bị cáo Huỳnh Văn P và Nguyễn Văn A phải bồi thường thiệt hại cho ông Lê Văn T số tiền 3.817.600 đồng, trong đó mỗi bị cáo phải bồi thường cho ông T số tiền là 1.908.800 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền trên, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Về án phí: Buộc các bị cáo Huỳnh Văn P và Nguyễn Văn A, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (23/3/2026), bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Thời hạn trên

đối với người vắng mặt tại phiên tòa tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- Công an tỉnh Gia Lai;
- VKSND khu vực 13-Gia Lai;
- Phòng THADS khu vực 13-Gia Lai;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)
Đồng Ánh Đông